

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BẤT ĐỘNG SẢN CRV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113 /QĐ-CRV

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2026

V/v: Giá bán nhà ở xã hội tại dự án Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện ĐTXD khu Đô thị mới dọc đường Đỗ Mười kéo dài và vùng phụ cận tại các xã Tân Dương và Dương Quan, huyện Thủy Nguyên (nay là phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng)

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án số 3178/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND thành phố Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 509/QĐ-CRV ngày 4/9/2025 phê duyệt đầu tư xây dựng Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện ĐTXD khu đô thị mới đường Đỗ Mười kéo dài và vùng phụ cận tại các xã Tân Dương và Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ phương án xác định giá bán nhà ở xã hội thuộc Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện ĐTXD khu đô thị mới đường Đỗ Mười kéo dài và vùng phụ cận tại các xã Tân Dương và Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng) do Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV lập;

Căn cứ vào kết quả thẩm tra giá bán nhà ở xã hội số 293/BCTT-VCHP ngày 14/5/2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn thẩm định giá VCHP.

Điều 1: Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV phê duyệt giá bán nhà ở xã hội cụ thể như sau:

1. Giá bán nhà ở xã hội - chung cư CC1 (thuộc ô đất NOXH2):

STT	Tầng chung cư	Giá bán sau thuế (đồng/m ²)	Ki	Giá bán sau thuế đã nhân hệ số tầng, chưa bao gồm chi phí bảo trì (đồng/m ²)
1	Tầng 1	17.784.000	1,6	28.454.400
2	Tầng 2	17.784.000	0,97	17.250.480
3	Tầng 3	17.784.000	0,81	14.405.040
4	Tầng 4	17.784.000	0,63	11.203.920



2. Giá bán nhà ở xã hội - chung cư CC2 (thuộc ô đất NOXH2)

STT	Tầng chung cư	Giá bán sau thuế (đồng/m ²)	Ki	Giá bán sau thuế đã nhân hệ số tầng, chưa bao gồm chi phí bảo trì (đồng/m ²)
1	Tầng 1	18.053.000	1,6	28.884.800
2	Tầng 2	18.053.000	0,97	17.511.410
3	Tầng 3	18.053.000	0,81	14.622.930
4	Tầng 4	18.053.000	0,63	11.373.390

3. Giá bán nhà ở xã hội - chung cư CC3 (thuộc ô đất NOXH2)

STT	Tầng chung cư	Giá bán sau thuế (đồng/m ²)	Ki	Giá bán sau thuế đã nhân hệ số tầng, chưa bao gồm chi phí bảo trì (đồng/m ²)
1	Tầng 1	18.425.000	1,6	29.480.000
2	Tầng 2	18.425.000	0,97	17.872.250
3	Tầng 3	18.425.000	0,81	14.924.250
4	Tầng 4	18.425.000	0,63	11.607.750

4. Giá bán nhà ở xã hội - chung cư CC4A (thuộc ô đất NOXH1)

STT	Tầng chung cư	Giá bán sau thuế (đồng/m ²)	Ki	Giá bán sau thuế đã nhân hệ số tầng, chưa bao gồm chi phí bảo trì (đồng/m ²)
1	Tầng 1	18.226.000	1,6	29.161.600
2	Tầng 2	18.226.000	0,97	17.679.220
3	Tầng 3	18.226.000	0,81	14.763.060
4	Tầng 4	18.226.000	0,63	11.482.380

5. Giá bán nhà ở xã hội - chung cư CC4B (thuộc ô đất NOXH1)

STT	Tầng chung cư	Giá bán sau thuế (đồng/m ²)	Ki	Giá bán sau thuế đã nhân hệ số tầng, chưa bao gồm chi phí bảo trì (đồng/m ²)
1	Tầng 1	18.226.000	1,6	29.161.600
2	Tầng 2	18.226.000	0,97	17.679.220
3	Tầng 3	18.226.000	0,81	14.763.060
4	Tầng 4	18.226.000	0,63	11.482.380

6. Giá bán nhà ở xã hội - chung cư CC5 (thuộc ô đất **NXH2**)

STT	Tầng chung cư	Giá bán sau thuế (đồng/m ²)	Ki	Giá bán sau thuế đã nhân hệ số tầng, chưa bao gồm chi phí bảo trì (đồng/m ²)
1	Tầng 1	17.097.000	1,6	27.355.200
2	Tầng 2	17.097.000	0,97	16.584.090
3	Tầng 3	17.097.000	0,81	13.848.570
4	Tầng 4	17.097.000	0,63	10.771.110

7. Giá bán nhà ở xã hội - chung cư CC6 (thuộc ô đất **NXH2**)

STT	Tầng chung cư	Giá bán sau thuế (đồng/m ²)	Ki	Giá bán sau thuế đã nhân hệ số tầng, chưa bao gồm chi phí bảo trì (đồng/m ²)
1	Tầng 1	17.320.000	1,6	27.712.000
2	Tầng 2	17.320.000	0,97	16.800.400
3	Tầng 3	17.320.000	0,81	14.029.200
4	Tầng 4	17.320.000	0,63	10.911.600

8. Giá bán nhà ở xã hội - chung cư CC7A (thuộc ô đất **NXH1**)

STT	Tầng chung cư	Giá bán sau thuế (đồng/m ²)	Ki	Giá bán sau thuế đã nhân hệ số tầng, chưa bao gồm chi phí bảo trì (đồng/m ²)
1	Tầng 1	18.746.000	1,6	29.993.600
2	Tầng 2	18.746.000	0,97	18.183.620
3	Tầng 3	18.746.000	0,81	15.184.260
4	Tầng 4	18.746.000	0,63	11.809.980

9. Giá bán nhà ở xã hội - chung cư CC7B (thuộc ô đất **NXH1**)

STT	Tầng chung cư	Giá bán sau thuế (đồng/m ²)	Ki	Giá bán sau thuế đã nhân hệ số tầng, chưa bao gồm chi phí bảo trì (đồng/m ²)
1	Tầng 1	18.746.000	1,6	29.993.600
2	Tầng 2	18.746.000	0,97	18.183.620
3	Tầng 3	18.746.000	0,81	15.184.260
4	Tầng 4	18.746.000	0,63	11.809.980

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao các phòng ban có liên quan đến Dự án Đầu giá quyền sử dụng đất để thực hiện Đầu tư xây dựng khu đô thị mới dọc đường Đỗ Mười kéo dài và phụ cận tại xã Tân Dương và Dương quan, huyện Thủy Nguyên (nay là phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng) thực hiện các bước tiếp theo để triển khai dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các ông(bà): Trưởng Ban hành chính tổng hợp, Tài chính Kế toán, Marketing, Kế hoạch Kỹ thuật, Kinh doanh, Giám đốc Chi nhánh CRV tại Hải Phòng và Giám đốc Ban Quản lý Dự án Hoàng Huy Newcity 49ha và các phòng ban khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT,

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BẤT ĐỘNG SẢN CRV**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu Huyền